

正本

檔 號：

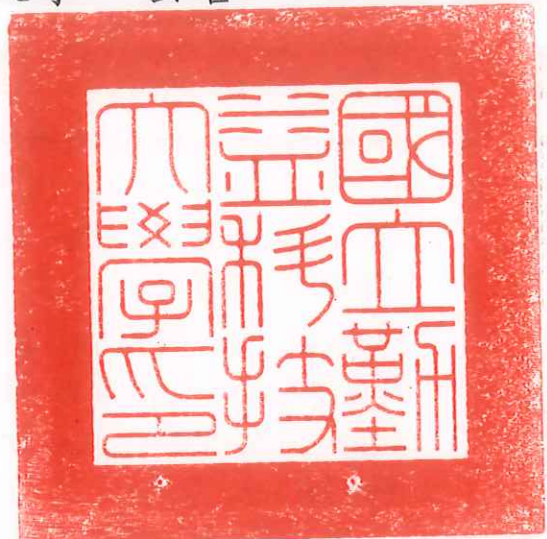
保存年限：

國立勤益科技大學 公告

發文日期：中華民國114年7月24日

發文字號：勤益科大國字第1143100165號

附件：



主旨：公告本校114學年度產學合作國際專班二年制申請入學錄取名單。Công bố danh sách trúng tuyển lớp chuyên ban hợp tác quốc tế hệ 2.5 năm trường đại học Quốc lập Cần Ích năm 2025.

依據：本校114學年度產學合作國際專班二年制第2次招生委員會會議決議辦理。Nghị quyết của cuộc họp hội đồng tuyển sinh trường đại học Quốc lập Cần Ích lần 2 năm 2025 về lớp Tân hướng nam chuyên ban hợp tác quốc tế hệ 2.5 năm.

公告事項：

- 一、本校114學年度產學合作國際專班申請入學錄取名單。Nhà trường công bố danh sách trúng tuyển lớp chuyên ban hợp tác quốc tế năm 2025 của Trường đại học khoa học kỹ thuật Quốc lập Cần Ích.
- 二、入學通知書於114年9月8日前以電子郵件及國際郵件寄送，請錄取生依入學通知書所列注意事項辦理報到事宜，完成報到之學生始取得本專班正式學籍。Giấy thông báo nhập học sẽ được gửi qua e-mail hoặc chuyển phát quốc tế trước ngày 8 tháng 9 năm 2025. Sinh viên vui lòng căn cứ theo những điều cần chú ý trong giấy thông báo nhập học để hoàn tất xác nhận báo danh, sau khi học sinh hoàn tất sẽ trở thành sinh viên chính thức của trường.
- 三、依本校國際專班外籍學生助學金設置要點及本專班招生簡章，具本專班正式學籍且為新南向國家之學生，本專班第一學期免學雜費；第二學期免收學雜費，需符合前一學期學業總平均成績及格，不得超過二分之一以上科

1143100165

目不及格、操行成績及格及無違反校規，經審查通過且完成註冊者。倘若第二學期結束前，未通過華語文能力 (TOCFL) Level 2 (A2) 以上等級，將予以退學且不予補助學雜費。註冊之本專班新生第一學年每人新臺幣20,250元入學獎助學金（分上下學期各新臺幣10,125元發放為原則）。Căn cứ theo tài liệu tuyển sinh và những nội dung chính trong bản xây dựng học bổng cho sinh viên lớp chuyên ban hợp tác quốc tế của trường đại học khoa học kỹ thuật Quốc Lập Cần Ích, những sinh viên là học sinh chính thức thuộc lớp chuyên ban hợp tác quốc tế và là học sinh đến từ các quốc gia Tân Hương Nam, sẽ được miễn học phí và tạp phí kỳ đầu tiên; nếu sinh viên có điểm trung bình và hạnh kiểm kỳ trước hợp lệ, không quá một nửa số môn bị trượt và không vi phạm nội quy của trường, thông qua xét duyệt và hoàn thành đăng ký, sẽ được miễn học phí và tạp phí kỳ thứ 2. Nếu sinh viên không đạt TOCFL Cấp 2 (A2) hoặc cao hơn trước khi kết thúc học kỳ thứ hai, sinh viên sẽ bị buộc thôi học và sẽ không được nhận trợ cấp học phí và các khoản phí khác. Học bổng cho mỗi tân sinh viên hoàn thành đăng ký lớp chuyên ban hợp tác quốc tế là 20,250 Đài tệ trong năm học đầu tiên (về nguyên tắc, 10,125 Đài tệ sẽ được gửi cho sinh viên vào kỳ 1 và kỳ 2 của năm đầu tiên).

校長 陳坤盛

國立勤益科技大學

114 學年度冷凍空調與能源系國際學生產學合作專班申請入學

錄取名單

The Admission List for Industry-Academia Collaboration Program of Refrigeration ,
Air-Conditioning and Energy Engineering for International Students,
NCUT, Fall 2025

系所：冷凍空調與能源系 Department of Refrigeration , Air-Conditioning and
Energy Engineering

學位：二年制學士班 Bachelor Program

序號 No.	國籍 Nationality	英文姓名 Name	出生日期 Date of Birth	性別 Gender	備註 Remarks
1	越南 Vietnam	NGUYEN TIEN DAT	2002/05/12	男	正取
2	越南 Vietnam	NGUYEN VAN VIET	2001/10/21	男	正取
3	越南 Vietnam	NGUYEN VAN BAO	2003/06/11	男	正取
4	越南 Vietnam	NGUYEN DUC TUNG	2004/01/08	男	正取
5	越南 Vietnam	NGUYEN DUC DUY	2001/10/05	男	正取
6	越南 Vietnam	MAI VAN LUONG	2003/03/09	男	正取
7	越南 Vietnam	VU QUOC BAO	2003/08/15	男	正取
8	越南 Vietnam	NGUYEN TAN PHAT	2001/02/02	男	正取
9	越南 Vietnam	THACH THAI TU DUY	2004/07/27	男	正取
10	越南 Vietnam	NGUYEN HUU TUAN	2002/08/31	男	正取
11	越南 Vietnam	NGUYEN THANH LUAN	2001/08/23	男	正取
12	越南 Vietnam	NGUYEN QUYNH NHAT THAO	2001/07/02	女	正取
13	越南 Vietnam	HAN HUU LONG	2004/02/29	男	正取
14	越南 Vietnam	NGUYEN VAN NGHIA	2003/10/11	男	正取

國立勤益科技大學

114 學年度冷凍空調與能源系國際學生產學合作專班申請入學

錄取名單

The Admission List for Industry-Academia Collaboration Program of Refrigeration ,
Air-Conditioning and Energy Engineering for International Students,
NCUT, Fall 2025

系所：冷凍空調與能源系 Department of Refrigeration , Air-Conditioning and
Energy Engineering

學位：二年制學士班 Bachelor Program

序號 No.	國籍 Nationality	英文姓名 Name	出生日期 Date of Birth	性別 Gender	備註 Remarks
15	越南 Vietnam	GIAP DUC ANH	2003/09/27	男	正取
16	越南 Vietnam	TRAN HUU DANG	2002/09/02	男	正取
17	越南 Vietnam	LONG THI CHUYEN	2004/10/09	女	正取
18	越南 Vietnam	TRUONG MINH TOAN	2003/11/27	男	正取
19	越南 Vietnam	LUONG VAN LONG	2002/12/15	男	正取
20	越南 Vietnam	NGUYEN ANH DUONG	2003/06/09	男	正取
21	越南 Vietnam	NGUYEN DINH KHANH	2003/12/05	男	正取
22	越南 Vietnam	TO ANH VAN	2001/01/25	男	正取
23	越南 Vietnam	TRAN XUAN VI	2004/08/21	男	正取
24	越南 Vietnam	PHAM QUANG THAI	2004/10/24	男	正取
25	越南 Vietnam	NGUYEN DINH DAT	2002/09/20	男	正取
26	越南 Vietnam	DANG THI PHUONG OANH	2004/05/26	男	正取
27	越南 Vietnam	TRAN THE DUONG	2002/01/25	男	正取
28	越南 Vietnam	PHAM VAN HIEP	2003/03/24	男	正取

國立勤益科技大學

114 學年度冷凍空調與能源系國際學生產學合作專班申請入學

錄取名單

The Admission List for Industry-Academia Collaboration Program of Refrigeration ,
Air-Conditioningand Energy Engineering for International Students,
NCUT, Fall 2025

系所：冷凍空調與能源系 Department of Refrigeration , Air-Conditioningand
Energy Engineering

學位：二年制學士班 Bachelor Program

序號 No.	國籍 Nationality	英文姓名 Name	出生日期 Date of Birth	性別 Gender	備註 Remarks
29	越南 Vietnam	HOANG VAN THOA	2003/01/03	男	正取
30	越南 Vietnam	VO THI NGUYET	2002/04/21	女	正取
31	越南 Vietnam	TRAN VAN QUAN	2004/02/11	男	正取
32	越南 Vietnam	TRAN DINH NAM	2004/06/25	男	正取
33	越南 Vietnam	THAN VAN LONG	2001/11/09	男	正取
34	越南 Vietnam	HOANG CHU THANH	2003/06/28	男	正取
35	越南 Vietnam	NGUYEN THI LE QUYEN	2001/12/27	女	正取
36	越南 Vietnam	PHAM VAN DUNG	2003/12/07	男	正取
37	越南 Vietnam	NGUYEN DINH TUAN ANH	1996/11/18	男	正取
38	越南 Vietnam	VUONG THI THUY	1995/07/20	女	正取

